

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

V/v Ly hôn giữa chị Bé C và anh

V.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Lưu

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bé C, sinh năm 1973; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Bé C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2013, do quen biết, tìm hiểu, chị Trần Thị Bé C và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh V có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân với

nhau từ tháng 11/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/6/2014, hiện cháu đang chung sống với chị Bé C. Chị Bé C yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu P cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm anh Nguyễn Văn V vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bé C và anh Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/6/2014 cho chị Bé C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị Bé C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung; nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Bé C và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Bé C thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và anh V có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng

thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân với nhau. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị Bé C đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải nhiều để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh V vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Bé C và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Bé C xin ly hôn với anh V là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung: Cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/6/2014. Chị Bé C yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu P cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ lúc sống ly thân, chị Bé C là người trực tiếp nuôi cháu P và hiện cháu đang học trường ở gần nhà. Hiện chị Bé C có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi cháu P đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Quá trình sống ly thân, anh V không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con chung. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường về mặt tâm lý cũng như thuận tiện trong việc chăm sóc nên cần thiết tiếp tục cho cháu P sống ổn định như ban đầu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu P cho chị Bé C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị Bé C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Tài sản chung; Nghĩa vụ chung*: Chị Bé C xác định không có. Quá trình giải quyết vụ án, anh V vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh V về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Do đó, tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[3] *Án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Bé C phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bé C và anh Nguyễn Văn V.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/6/2014 cho chị Bé C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận chị Bé C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho anh V, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị Bé C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh V.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về chia tài sản chung; nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có phát sinh tranh chấp.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Trần Thị Bé C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009727 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Công nhận chị Bé C đã nộp xong.

6. *Án tuyên công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn*.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND thị trấn Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng